

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/BC-VPCP

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính năm 2024

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao¹, trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan, địa phương và dữ liệu từ Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (DVCQG), Văn phòng Chính phủ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Công tác cải cách TTHC tiếp tục là một trong những nội dung trọng tâm được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương tập trung thực hiện, nỗ lực phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong năm 2024. Chính phủ đã ban hành Nghị định quy định việc thực hiện liên thông điện tử đối với 02 nhóm TTHC thuộc các lĩnh vực tư pháp, cư trú, bảo hiểm y tế, bảo trợ xã hội²; quyết nghị việc triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại 05 địa phương (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh và Bắc Ninh)³ từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 11 năm 2025 để tổng kết, nhân rộng tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thực hiện TTHC, dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2024; chỉ đạo đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, giảm phiền hà, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp ngay từ khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)⁴; tổ chức có hiệu quả hoạt động Bộ phận Một cửa các cấp⁵ và cung cấp 02 nhóm TTHC liên thông điện tử từ ngày 01 tháng 7 năm 2024⁶. Bên cạnh đó, đã phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình để tích hợp, cung cấp trên Cổng DVCQG⁷ và phương án đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến phiếu lý lịch tư pháp⁸.

¹ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 09/01/2024; Công điện số 644/Đ-TTg ngày 13/7/2023.

² Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất.

³ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 và Nghị quyết số 188/NQ-CP ngày 11/10/2024 của Chính phủ.

⁴ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024; Công văn số 727/TTg-KSTT ngày 01/10/2024 và Công điện số 131/Đ-TTg ngày 11/12/2024.

⁵ Công văn số 7641/VPCP-KSTT ngày 18/10/2024.

⁶ Văn bản số 454/TTg-KSTT ngày 25/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

⁷ Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Văn phòng Chính phủ.

⁸ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ đã được kiện toàn với các thành viên là Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; đã chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách TTHC tại 02 Phiên họp⁹; đồng thời, ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024¹⁰ với yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính trên cả 06 lĩnh vực; trong đó, có 14 nhiệm vụ về cải cách TTHC, phân cấp trong giải quyết TTHC, giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Tổ Công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục phát huy vai trò trong việc chỉ đạo, đôn đốc các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về cải cách TTHC. Trong năm, đã tổ chức 03 phiên họp, 02 buổi làm việc với 03 bộ, 08 địa phương¹¹; đồng thời, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện của các bộ, cơ quan, địa phương và đề nghị xử lý các phản ánh, kiến nghị (PAKN) về cơ chế, chính sách, TTHC của cộng đồng doanh nghiệp, thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC gửi đến Tổ công tác.

Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, chương trình, kế hoạch để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác cải cách TTHC tại bộ, cơ quan, địa phương, hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Về cải cách quy định TTHC

a) Kết quả kiểm soát quy định TTHC trong dự án, dự thảo VBQPPL

Trong năm, các bộ, cơ quan, địa phương đã thực hiện đánh giá tác động 1.746 TTHC tại 247 dự thảo VBQPPL; thẩm định 1.938 TTHC tại 362 VBQPPL. Riêng Văn phòng Chính phủ đã thẩm tra đối với 571 TTHC và 118 quy định kinh doanh (QĐKD) tại 56 dự thảo VBQPPL, trong đó đã đề nghị không quy định: 28 TTHC, 05 QĐKD, sửa đổi, bổ sung: 338 TTHC, 43 QĐKD (chiếm 60%).

Có 359 TTHC được ban hành mới (tăng 56 TTHC so với năm 2023), 1.448 TTHC được sửa đổi, bổ sung và 504 TTHC được bãi bỏ tại 310 VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước 24 bộ, cơ quan; có 28 TTHC được ban hành mới, 01 TTHC được sửa đổi, bổ sung, 29 TTHC được bãi bỏ tại 17 VBQPPL thuộc thẩm quyền của 56 địa phương (Chi tiết tại Phụ lục I). Tính đến nay, có 6.273 TTHC được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, trong đó 3.744 TTHC thực hiện tại các bộ, cơ quan, 1.261 TTHC thực hiện tại địa phương và 1.728 TTHC ngành dọc.

b) Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC

(1) Về cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ: Trong năm, có 05 Bộ, cơ quan¹² trình Thủ tướng

⁹ Thông báo số 53/TB-VPCP ngày 15/02/2024 và số 363/TB-VPCP ngày 06/8/2024 tại Phiên họp thứ 7 và thứ 8 Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

¹⁰ Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

¹¹ Các Thông báo kết luận tại các phiên họp, buổi làm việc gồm: số 71/TB-VPCP ngày 28/02/2024; số 204/TB-VPCP ngày 08/5/2024; số 362/TB-VPCP ngày 05/8/2024; số 210/TB-VPCP ngày 10/05/2024 và số 537/TB-VPCP ngày 29/11/2024.

¹² Gồm: Tư pháp, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với **125 QĐKD** tại **47 VBQPPL**; **13** bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **420 QĐKD**¹³ tại **36 VBQPPL**¹⁴, nâng tổng số QĐKD được các bộ, cơ quan cắt giảm, đơn giản hóa từ năm 2021 đến nay là **3.195 QĐKD**¹⁵ tại **281 VBQPPL**¹⁶ trên tổng số **15.763 QĐKD**, đạt **20,2%** và vượt qua mục tiêu tối thiểu đề ra cho cả giai đoạn 2020 - 2025 (*Chi tiết tại Phụ lục II*). Một số bộ, cơ quan triển khai tích cực trong công tác này như: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,...

(2) *Về phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ*: Trong năm, có **14** Bộ, cơ quan thực thi phương án phân cấp **191 TTHC** tại **33 VBQPPL**¹⁷, nâng tổng số TTHC được phân cấp từ năm 2022 đến nay là **350/699 TTHC** tại **71 VBQPPL**¹⁸ (đạt **49%**). Trong đó, **04** bộ, cơ quan¹⁹ đã thực hiện phân cấp đạt 100%, **07** bộ²⁰ đạt từ 50% trở lên, **08** bộ²¹ đạt dưới 50% và **02** Bộ (*Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao*) chưa thực hiện phân cấp theo phương án đã được phê duyệt. Tổng số TTHC còn tiếp tục phải thực hiện phân cấp là **349 TTHC** (*Chi tiết tại Phụ lục III*).

(3) *Về đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ*: Đối với các bộ, ngành, trong năm đã công bố bổ sung **664 TTHC** nội bộ (gồm: **268 TTHC** nhóm A và **396 TTHC** nhóm B)²², nâng tổng số TTHC nội bộ được công bố là **1.968 TTHC**; Bộ Nội vụ đã rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong nhiều lĩnh vực²³; có 03 Bộ²⁴ đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ, trong đó, một số TTHC trên các lĩnh vực trọng tâm ưu tiên đã được thực thi. Ngoài ra, nhiều bộ, cơ quan (*Quốc phòng, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, ...*) đã phê duyệt phương án đơn giản hóa hoặc chủ động đơn giản hóa một số TTHC nội bộ trong quá trình xây dựng VBQPPL (*Chi tiết tại Phụ lục IV*). Các địa phương cũng đã tích cực rà soát, công bố bổ sung TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết²⁵; đồng thời, ban hành quyết định phê duyệt, thực thi một số phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ. Một số địa phương triển khai tích cực công tác này như: Đồng Nai, Bắc Ninh, Thái nguyên, Lạng Sơn, Hà Nam,... (*Chi tiết tại Phụ lục V*).

(4) *Về thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư*: Trong năm, có **13** bộ, ngành đã thực thi phương án đơn giản hóa **313 TTHC**, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư

¹³ Gồm: 347 TTHC, 59 yêu cầu điều kiện, 14 chế độ báo cáo

¹⁴ Gồm: 05 Luật, 12 Nghị định, 18 Thông tư, Thông tư liên tịch và 01 văn bản khác.

¹⁵ Gồm: 1.732 TTHC, 229 yêu cầu điều kiện, 101 chế độ báo cáo, 164 quy chuẩn, tiêu chuẩn và 969 mặt hàng kiểm tra chuyên ngành.

¹⁶ Gồm: 20 Luật, 65 Nghị định, 18 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 159 Thông tư, thông tư liên tịch và 19 văn bản khác

¹⁷ Gồm: 01 Luật, 16 Nghị định và 16 Thông tư.

¹⁸ Gồm: 02 Luật, 29 Nghị định, 03 Quyết định của TTgCP, 37 Thông tư.

¹⁹ 04 bộ, cơ quan gồm: Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban Dân tộc.

²⁰ 07 bộ gồm: Nội vụ, Giao thông vận tải, Quốc phòng, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường.

²¹ 08 bộ gồm: Công Thương, Tài chính, Y tế, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

²² Nhóm A là TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; nhóm B là TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan.

²³ Như: thi đua khen thưởng, công chức, viên chức...

²⁴ 03 bộ gồm: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch

²⁵ Tính đến nay, Cà Mau là địa phương công bố TTHC nội bộ với số lượng cao nhất (584 TTHC), thấp nhất là Hưng Yên (15 TTHC)

tại 35 VBQPPL, nâng tổng số TTHC được thực thi phương án đến nay là 898 TTHC, đạt 83%; trong đó, có 08 bộ, cơ quan²⁶ hoàn thành 100%, 09 bộ, cơ quan đạt trên 50%²⁷, 02 bộ đạt dưới 50%²⁸. Còn 186 TTHC cần tiếp tục đơn giản hóa tại 01 Luật, 13 Nghị định, 23 Thông tư, Thông tư liên tịch (*Chi tiết tại Phụ lục VI*).

(5) *Về thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ:* Trong năm, có 03 Bộ (Nội vụ, Tư pháp, Y tế) đã báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua 02 Luật, trình Chính phủ ban hành 01 Nghị định, trong đó cắt giảm, đơn giản hóa 05/108 TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp²⁹ (*Chi tiết tại Phụ lục VII*).

3. Về cải cách việc thực hiện TTHC

a) Các chỉ số đánh giá chất lượng trong thực hiện TTHC, DVCTT³⁰

(1) *Chỉ số đánh giá về công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC:* Trong năm, tỷ lệ đồng bộ công bố, công khai quá trình giải quyết TTHC của bộ, ngành đạt 46% (50.744.591 hồ sơ được đồng bộ / 108.737.869 hồ sơ giải quyết), địa phương đạt 75,58% (38.881.238 hồ sơ được đồng bộ / 51.442.314 hồ sơ giải quyết). Kết quả này đã có sự cải thiện so với năm 2023; tuy nhiên, hầu hết các bộ, cơ quan, địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu của Chính phủ (*100% kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, cơ quan, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng DVCQG để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện và theo dõi, giám sát, đánh giá*), nhất là các bộ, ngành đạt tỷ lệ thấp, ảnh hưởng rất lớn đến việc tổ chức thực hiện TTHC tại địa phương.

(2) *Chỉ số đánh giá về tiến độ, kết quả giải quyết TTHC:* Trong năm, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng hoặc sớm hạn tại bộ, ngành đạt 62% (67.417.479 hồ sơ đúng, sớm hạn / 108.737.869 hồ sơ giải quyết), tại các địa phương đạt 94,5%% (48.621.836 hồ sơ đúng, sớm hạn / 51.451.678 hồ sơ giải quyết). Mặc dù chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp đã được tập trung nâng cao nhưng tỷ lệ này tại các bộ, ngành vẫn còn thấp.

(3) Chỉ số đánh giá về cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của bộ, ngành đạt 59,57% (30.994.321 hồ sơ trực tuyến/ 52.033.997 hồ sơ được đồng bộ, tăng gần 2 lần so với năm 2023); địa phương đạt 56% (21.730.419 hồ sơ trực tuyến/ 38.881.238 hồ sơ được đồng bộ, tăng 1,92 lần so với năm 2023).

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG (*chỉ tiêu năm 2024: 45%*): tại các bộ, ngành đạt 57,26% (1.352.544 giao dịch thanh toán trên Cổng / 2.361.913

²⁶ 08 bộ, ngành gồm: Công an, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

²⁷ 09 bộ, ngành gồm: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Ngoại giao, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng.

²⁸ 02 bộ gồm: Tài chính và Tư pháp

²⁹ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược, đơn giản hóa 02 TTHC thuộc lĩnh vực dược (Bộ Y tế); Luật Đấu giá tài sản, đơn giản hóa 01 TTHC (Bộ Tư pháp); Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024, cắt giảm, đơn giản hóa 02 TTHC thuộc lĩnh vực công chức (Bộ Nội vụ).

³⁰ Số liệu phân tích theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVCQG tại thời điểm ngày 30/12/2024.

giao dịch thanh toán dịch vụ công) và các địa phương đạt 50,27% (11.379.077 giao dịch thanh toán trên Cổng /22.636.212 giao dịch thanh toán dịch vụ công).

(4) *Chỉ số đánh giá về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC*

Trong năm, mặc dù các bộ, cơ quan, địa phương đã rất nỗ lực, chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, *tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC* chưa đạt chỉ tiêu Chính phủ đề ra (chỉ tiêu năm 2024 là 80%). Theo đó, các bộ, ngành đạt 61,40% (31.174.607 hồ sơ được số hóa/ 50.775.346 hồ sơ giải quyết) và các địa phương đạt 67,46% (26.229.283 hồ sơ được số hóa /38.881.238 hồ sơ giải quyết).

Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt 63,08% (32.028.690 kết quả điện tử /50.775.346 kết quả giải quyết) và tại các địa phương đạt 63,08% (24.526.284 kết quả điện tử /38.881.238 kết quả giải quyết); trong khi đó *tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa* tại các bộ, ngành chỉ đạt 1,35% (686.701 kết quả điện tử được tái sử dụng /50.866.740 kết quả giải quyết), tại các địa phương đạt 21,50% (8.539.110 kết quả điện tử được tái sử dụng /39.716.790 kết quả giải quyết), còn thấp so với chỉ tiêu của Chính phủ (tối thiểu 50%).

b) Kết quả đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, DVCTT: Tổng hợp kết quả, đánh giá theo Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên Cổng DVCQG năm 2024, cụ thể: (i) Đối với các bộ, cơ quan: có 03 bộ, cơ quan đạt điểm đánh giá **Tốt** (*Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam*), 04 bộ đạt điểm đánh giá **Khá**, 10 bộ đạt điểm đánh giá **Trung bình**, 03 bộ có điểm đánh giá **Dưới trung bình**; (ii) Đối với các địa phương: có 02 địa phương đạt điểm đánh giá **Xuất sắc** (*Cà Mau, Bình Định*), 36 địa phương đạt điểm đánh giá **Tốt**, 17 địa phương đạt điểm đánh giá **Khá**, 08 địa phương đạt điểm **Trung bình** (*Chi tiết tại Phụ lục VIII*).

4. Kết quả triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông (MC, MCLT) trong giải quyết TTHC

Trong năm, các bộ, cơ quan, địa phương tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế MC, MCLT trong giải quyết TTHC để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đến nay, trên cả nước đã thành lập **11.956** Bộ phận Một cửa (BPMC) các cấp để tiếp nhận, giải quyết TTHC; 100% cơ quan, đơn vị quan tâm nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đã được triển khai ở **9.200/11.956** BPMC.

Thực hiện nhiệm vụ được giao về việc triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh tại 05 địa phương³¹ (*Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh*). Đến nay đã có 04/05 địa phương thông qua Nghị quyết về việc triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp (*UBND tỉnh Bắc Ninh báo cáo triển khai sau khi có phương án chính thức về sắp xếp, tổ chức bộ máy chính quyền cấp tỉnh*), trong

³¹ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 và Nghị quyết số 188/NQ-CP ngày 11/10/2024.

đó Hà Nội, Bình Dương đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm phục vụ hành chính công³². Bên cạnh đó, Hà Nội đã thành lập Tổ công tác liên ngành để tái cấu trúc quy định TTHC và hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương³³.

5. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

a) Về PAKN của cá nhân, tổ chức về những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC

Trong năm, tổng số PAKN về quy định và hành vi hành chính được người dân gửi đến các cơ quan có thẩm quyền xử lý là 124.984 PAKN (*không bao gồm 15.134 PAKN của năm 2023 chuyển sang*). Đến nay, các bộ, cơ quan, địa phương đã xem xét, trả lời 109.722 PAKN, đạt 78% ($109.722/140.321$ PAKN), trong đó, có 17.721 PAKN trả lời quá hạn, chiếm 16,1%³⁴.

Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ đã tiếp nhận và chuyển 250 đề xuất, kiến nghị của các thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC đến các cơ quan có thẩm quyền xử lý. Đến nay, các bộ, cơ quan, địa phương đã xem xét, xử lý theo thẩm quyền 336/362 đề xuất, kiến nghị, đạt 93%.

b) Về những đề xuất, kiến nghị tại Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC hằng tháng của các bộ, cơ quan, địa phương: Trong năm, Văn phòng Chính phủ đã xem xét, trả lời đối với tất cả những đề xuất, kiến nghị của các bộ, cơ quan, địa phương theo thẩm quyền (*Chi tiết tháng 12 năm 2024 tại Phụ lục IX*); đồng thời, tiếp tục tổng hợp, gửi các đề xuất, kiến nghị trong tháng 12 năm 2024 đến các bộ, cơ quan nghiên cứu, trả lời theo thẩm quyền (*Chi tiết tại Phụ lục X*). Đến nay, các bộ, ngành đã xem xét, trả lời 248/318 đề xuất, kiến nghị (chưa bao gồm đề xuất, kiến nghị trong tháng 12 năm 2024), trong đó có 05 bộ, ngành đã hoàn thành 100%³⁵, còn 70 đề xuất, kiến nghị đang được tiếp tục nghiên cứu, trả lời (*Chi tiết tại Phụ lục XI*).

6. Công tác truyền thông về cải cách TTHC

Các cơ quan thông tấn, báo chí đã tích cực, chủ động thực hiện các tin, bài, phóng sự... về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đồng thời, phản ánh những vướng mắc trong thực hiện các cơ chế, chính sách, TTHC để các bộ, cơ quan, địa phương kịp thời có giải pháp tháo gỡ. Bên cạnh đó, đã duy trì thông tin đa dạng, sinh động chuyên mục “Chính sách và Cuộc sống” và phát sóng chuyên mục “Người dân và Chính phủ” với 01 số/tuần; đăng tải tin, bài, phóng sự chuyên sâu trên dòng sự kiện “Cải cách hành chính”, “Chuyển đổi số quốc gia” góp phần đưa nội dung về cải cách TTHC đến gần hơn với người dân, doanh nghiệp.

Văn phòng Chính phủ đã kịp thời cung cấp thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách TTHC, cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC,... để các cơ quan thông tấn, báo chí theo dõi, cập nhật và đưa tin, bài về tình hình, kết quả trong công tác này.

³² Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 và Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 28/11/2024.

³³ Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 13/9/2024.

³⁴ Chủ yếu về các kiến nghị liên quan đến cấp hộ chiếu phổ thông, đăng ký tạm trú... của Bộ Công an.

³⁵ Gồm: Ngoại giao, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Dân tộc.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Những mặt đạt được

Năm 2024, công tác cải cách TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết liệt chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương tập trung thực hiện tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, 02/NQ-CP năm 2024³⁶, các Nghị quyết Phiên họp thường kỳ hàng tháng và nhiều văn bản chỉ đạo trọng tâm để thúc đẩy triển khai công tác này. Đặc biệt, trên cơ sở báo cáo của Chính phủ về kết quả rà soát, xử lý các vướng mắc, bất cập về TTHC tại Kỳ họp thứ 7³⁷, Quốc hội đã đánh giá cao sự nỗ lực, tích cực, chủ động, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương trong chỉ đạo, điều hành, triển khai hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, Đề án cải cách TTHC và ghi nhận “các kết quả đạt được là rất tích cực, khả quan”³⁸.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương đã tích cực, chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao với phương châm lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ và đạt được nhiều kết quả nổi bật. Theo đó, việc cải cách quy định TTHC, nhất là kiểm soát quy định TTHC ngay từ khâu xây dựng VBQPPL đã được chú trọng; việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định TTHC đã được triển khai quyết liệt với 420 QĐKD và 313 TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư được cắt giảm, đơn giản hóa, 191 TTHC được phân cấp giải quyết...; chất lượng giải quyết TTHC có nhiều chuyển biến tích cực, một số chỉ tiêu quan trọng về dịch vụ công trực tuyến đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ đã đạt và vượt chỉ tiêu³⁹.

Bên cạnh đó, Tổ công tác cải cách TTHC và Hội đồng tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ đã phát huy vai trò trong việc đôn đốc, thúc đẩy triển khai công tác cải cách TTHC; kịp thời nắm bắt, tổng hợp để chỉ đạo xử lý các khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, TTHC đang là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách TTHC trong năm 2024 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

(1) Việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, QĐKD tại một số bộ, cơ quan, địa phương chưa đạt yêu cầu; nhiều phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhưng chậm được thực thi⁴⁰; việc công bố, công khai TTHC tại một số bộ, cơ quan còn chậm, ảnh hưởng đến các địa phương; còn có sự chênh lệch lớn về số lượng TTHC nội bộ được công bố giữa các địa phương.

³⁶ Nghị quyết số 01/NQ-CP, có 08 chỉ tiêu về cải cách TTHC (06 chỉ tiêu về DVCTT, 02 chỉ tiêu về QĐKD); Nghị quyết số 02/NQ-CP có 16 chỉ tiêu về cải cách TTHC (12 chỉ tiêu về DVCTT, 04 chỉ tiêu về QĐKD).

³⁷ Báo cáo số 248/BC-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ.

³⁸ Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội.

³⁹ Như: Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG trên tổng số giao dịch thanh toán của DVC (đạt 50,92% - vượt 5,92%); Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC (đạt 58,01% - vượt 8,01%).

⁴⁰ Có 06 Bộ (Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Quốc phòng, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tư pháp) đạt dưới 50% phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; còn 02 Bộ (Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao) chưa thực hiện phân cấp TTHC; còn 03 Bộ (Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường) chưa trình phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên.

(2) Việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đã được các bộ, cơ quan, địa phương tập trung thực hiện, tuy nhiên kết quả triển khai còn hạn chế, tỷ lệ khai thác, tái sử dụng kết quả đã được số hóa còn thấp, nhất là đối với các bộ, cơ quan⁴¹.

(3) Việc xem xét, xử lý khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy định, TTHC cho người dân, doanh nghiệp tại một số bộ, địa phương chưa kịp thời⁴².

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại, hạn chế nêu trên là do công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách TTHC, xử lý PAKN tại một số bộ, cơ quan, địa phương trong một số nhiệm vụ cụ thể chưa thực sự quyết liệt, triệt để; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời; một số bộ phận, cán bộ, công chức, viên chức chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao; nhiều hệ thống, hạ tầng công nghệ thông tin chưa được quan tâm đầu tư, nâng cấp kịp thời...

4. Bài học kinh nghiệm

Từ những thuận lợi, khó khăn trong triển khai công tác cải cách TTHC, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

(1) Phải có sự quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt của người đứng đầu tại các bộ, cơ quan, địa phương trong thực hiện TTHC. Bảo đảm các nguồn lực trong thực hiện đồng thời tăng cường phối hợp, đồng bộ, chặt chẽ xuyên suốt từ trung ương đến địa phương, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị.

(2) Phải lấy người dân doanh nghiệp là trung tâm, lấy chất lượng phục vụ mức độ hài lòng là thước đo kết quả thực hiện của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; phát huy nhân tố con người, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với chuyển đổi số quốc gia.

(3) Phải xác định và tập trung chỉ đạo tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, hạ tầng công nghệ, số hóa dữ liệu, dịch vụ công và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho Cổng DVCQG, các hệ thống thông tin giải quyết TTHC và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

(4) Tăng cường đổi mới công tác chỉ đạo điều hành, đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công dựa trên dữ liệu theo thời gian thực. Phát huy vai trò của Tổ công tác và Hội đồng tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ trong chỉ đạo triển khai công tác cải cách TTHC.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

Để tiếp tục triển khai hiệu quả công tác cải cách TTHC, đề nghị các bộ, cơ quan, địa phương quán triệt, triển khai các nội dung chỉ đạo của Bộ Chính trị về công tác cải cách TTHC tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024; các nhiệm vụ, giải pháp theo yêu cầu của Quốc hội tại Nghị quyết số 142/2024/QH15

⁴¹ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 1,35%, tại các địa phương đạt 21,50%.

⁴² Đến 31/12/2024, vẫn còn 30.599 PAKN (chiếm 22%) chưa được các bộ, ngành, địa phương xem xét, trả lời, trong đó Bộ Công an (28.961 PAKN), Bộ Tài chính (196 PAKN), Bộ Tài nguyên và Môi trường (175 PAKN), Bình Dương (688)...

ngày 29 tháng 6 năm 2024 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025 như sau:

1. Kiểm soát chặt chẽ, thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động chính sách và cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, giảm phiền hà, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp ngay từ khâu xây dựng VBQPPL theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 131/CĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2024.

2. Khẩn trương xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền sửa đổi các VBQPPL theo hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản để cắt giảm, đơn giản hoá QĐKD, TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, quy định TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp và phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC theo các phương án đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đồng thời, khẩn trương công bố kịp thời, đầy đủ TTHC, nhất là TTHC nội bộ và thực hiện rà soát, đơn giản hóa, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022.

3. Rà soát, loại bỏ ngay những TTHC đang là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân. Đồng thời, xây dựng và tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình cắt giảm giấy phép tại bộ, cơ quan, địa phương và chuyển một số nhiệm vụ, hoạt động cấp phép cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm giai đoạn 2025-2030 ngay sau khi Chính phủ phê duyệt.

4. Đánh giá việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, kết quả triển khai thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh; việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. Xây dựng và tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ về đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

5. Tập trung rà soát, đánh giá lại chất lượng các DVCTT đang cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh và tích hợp, cung cấp trên Cổng DVCQG; thúc đẩy triển khai Đề án 06; định kỳ hằng tháng công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVCQG, Cổng Dịch vụ công, Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan, địa phương.

6. Nâng cấp hạ tầng, hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dịch vụ công tập trung thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành. Đồng thời, nâng cấp, phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và Hệ thống thông tin PAKN trên Cổng DVCQG theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

7. Tiếp tục triển khai công tác thanh tra, kiểm tra nhiệm vụ cải cách TTHC. Tổ chức thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về quy định, TTHC; tổ chức kiểm tra, xác minh, làm rõ hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn trong giải quyết TTHC; kịp thời chấn chỉnh việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan, địa phương.

8. Đẩy mạnh truyền thông và tăng cường công tác tập huấn, huy động sự tham gia của người dân, doanh nghiệp trong cải cách TTHC.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Từ thực tiễn triển khai công tác cải cách TTHC năm 2024, Văn phòng Chính phủ kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tại các Nghị quyết: số 01/NQ-CP, số 02/NQ-CP năm 2025 và nhiệm vụ trọng tâm tại Mục III Báo cáo này, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cải cách TTHC năm 2025 đề tập trung tổ chức triển khai kịp thời, đầy đủ, thực chất và hiệu quả.

2. Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương, cơ quan liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2025; thời hạn hoàn thành trong tháng 01 năm 2025.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách TTHC năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025, Văn phòng Chính phủ kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTgCP (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Thành viên Tổ công tác cải cách TTHC;
- Thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC;
- VPCP: BTCN, các PCN,
Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg,
các Vụ, Cục: TH, KTTH, PL, KGVX, NC, CN,
NN, ĐMDN, TCCV, TCCB;
- Lưu: VT, KSTT (2b).



BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Trần Văn Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

SAO Y

Số: 15 /SY-UBND

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 01 năm 2025

Nơi nhận: (VBĐT)

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, PT, HL.

**TL.CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thanh Hà

Phụ lục I

QUẢ BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CH
TẠI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2024

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số lượng quyết định công bố TTHC	Số lượng văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC ban hành đã được công bố, công khai trong năm				Ghi chú
				Quy định mới	Sửa đổi, bổ sung	Bãi bỏ	Cộng	
A	B	1	2	3	4	5	6=(3+4+5)	C
BỘ, NGÀNH		199	310	359	1,448	504	2,311	
1	Bộ Công an	16	18	71	145	60	276	
2	Bộ Công Thương	13	11	32	59	9	100	
3	Bộ Giao thông vận tải	12	16	13	27	26	66	
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	26	26	8	146	23	177	
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	8	10	25	58	29	112	
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	5	5	9	1	5	15	
7	Bộ Lao động - TB&XH	3	6	4	4	2	10	
8	Bộ Ngoại giao	1	1	0	25	0	25	
9	Bộ Nội vụ	10	11	18	200	28	246	
10	Bộ Nông nghiệp và PTNT	14	14	24	50	3	77	
11	Bộ Quốc phòng	6	6	29	42	24	95	
12	Bộ Tài chính	20	28	24	48	70	142	
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	4	70	10	108	33	151	
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	4	3	2	44	0	46	
15	Bộ Tư pháp	11	3	0	152	0	152	
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	11	36	7	39	5	51	
17	Bộ Xây dựng	4	9	18	25	12	55	
18	Bộ Y tế	22	24	54	164	162	380	
19	Ngân hàng Nhà nước VN	6	9	7	100	10	117	
20	Thanh tra Chính phủ	0	0	0	0	0	0	
21	Ủy ban dân tộc	0	0	0	0	0	0	
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	2	3	2	3	2	7	
23	Ngân hàng Chính sách xã hội	1	1	2	8	1	11	
24	Ngân hàng Phát triển VN	0	0	0	0	0	0	
ĐỊA PHƯƠNG		17	17	28	1	29	58	
1	An Giang	0	0	0	0	0	0	
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	0	0	0	0	
3	Bắc Giang	1	1	2	0	0	2	
4	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	
5	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0	
6	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	

Số TT	Đơn vị, ngành, địa phương	Số lượng quyết định công bố TTHC	Số lượng văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC ban hành đã được công bố, công khai trong năm				Ghi chú
				Quy định mới	Sửa đổi, bổ sung	Bãi bỏ	Cộng	
A	B	1	2	3	4	5	6=(3+4+5)	C
7	Bến Tre	2	2	2	0	0	2	
8	Bình Định	0	0	0	0	0	0	
9	Bình Dương	0	0	0	0	0	0	
10	Bình Phước	0	0	0	0	0	0	
11	Bình Thuận	2	2	3	0	27	30	
12	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	
13	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	
14	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0	
15	Đà Nẵng	2	2	6	0	1	7	
16	Đắk Lắk	0	0	0	0	0	0	
17	Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	
18	Điện Biên	1	1	3	0	0	3	
19	Đồng Nai	0	0	0	0	0	0	
20	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0	
21	Gia Lai	1	1	2	0	0	2	
22	Hà Giang	0	0	0	0	0	0	
23	Hà Nam	0	0	0	0	0	0	
24	Hà Nội	0	0	0	0	0	0	
25	Hà Tĩnh	0	0	0	0	0	0	
26	Hải Dương	0	0	0	0	0	0	
27	Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	
28	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	
29	Hòa Bình	0	0	0	0	0	0	
30	Hưng Yên	0	0	0	0	0	0	
31	Khánh Hòa	0	0	0	0	0	0	
32	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	
33	Kon Tum	0	0	0	0	0	0	
34	Lai Châu	0	0	0	0	0	0	
35	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	0	
36	Lạng Sơn	0	0	0	0	0	0	
37	Lào Cai	1	1	2	0	0	2	
38	Long An	1	1	1	0	0	1	
39	Nam Định	0	0	0	0	0	0	
40	Nghệ An	0	0	0	0	0	0	
41	Ninh Bình	0	0	0	0	0	0	
42	Ninh Thuận	0	0	0	0	0	0	
43	Phú Thọ	0	0	0	0	0	0	

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số lượng quyết định công bố TTHC	Số lượng văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC ban hành đã được công bố, công khai trong năm				Ghi chú
				Quy định mới	Sửa đổi, bổ sung	Bãi bỏ	Cộng	
A	B	1	2	3	4	5	6=(3+4+5)	C
44	Phú Yên	0	0	0	0	0	0	
45	Quảng Bình	0	0	0	0	0	0	
46	Quảng Nam	0	0	0	0	0	0	
47	Quảng Ngãi	0	0	0	0	0	0	
48	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	0	
49	Quảng Trị	0	0	0	0	0	0	
50	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	
51	Sơn La	1	1	3	0	0	3	
52	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	
53	Thái Bình	0	0	0	0	0	0	
54	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
55	Thanh Hóa	2	2	0	1	1	2	
56	TP. Hồ Chí Minh	1	1	2	0	0	2	
57	Thừa Thiên - Huế	2	2	2	0	0	2	
58	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0	
59	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	
60	Tuyên Quang	0	0	0	0	0	0	
61	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	
62	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	
63	Yên Bái	0	0	0	0	0	0	

Phụ lục II
KẾT QUẢ CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH KINH DOANH
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-CP NGÀY 12/5/2020 CỦA CHÍNH PHỦ
NĂM 2024

Số TT	Đơn vị thực hiện	Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa trong năm 2024												Tổng cộng đã cắt giảm, ĐGH từ năm 2021 đến năm 2024
		Số lượng QĐKD đã cắt giảm, ĐGH						Số lượng văn bản đã ban hành						
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					
			YC ĐK	CĐ BC	TC, QC	KT CN	TTHC		Luật, PL	Nghị định	QĐ của TTgCP	T.tư, TTLT	Khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng:	420	59	14	0	0	347	36	5	12	0	18	1	3.195
1	Bộ Công an	13	1	0	0	0	12	1	0	1	0	0	0	34
2	Bộ Công Thương	19	6	0	0	0	13	2	0	2	0	0	0	30
3	Bộ Giao thông vận tải	37	23	0	0	0	14	2	1	1	0	0	0	303
4	Bộ Giáo dục và Đ.tạo	94	21	5	0	0	68	2	0	2	0	0	0	150
5	Bộ Kế hoạch và Đ.tư	33	0	2	0	0	31	2	0	1	0	1	0	163
6	Bộ Khoa học và CN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	99
7	Bộ Lao động - TB và XH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	134
8	Bộ Nội vụ	5	3	0	0	0	2	1	1	0	0	0	0	5
9	Bộ Nông nghiệp và PTNT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	419
10	Bộ Quốc phòng	6	0	0	0	0	6	1	0	0	0	1	0	11
11	Bộ Tài chính	11	0	2	0	0	9	3	0	0	0	3	0	262
12	Bộ Tài nguyên và MT	7	0	0	0	0	7	1	1	0	0	0	0	137
13	Bộ Thông tin và Tr.thông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	268
14	Bộ Tư pháp	4	2	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	51
15	Bộ Văn hóa, TT và DL	25	0	0	0	0	25	1	0	1	0	0	0	55
16	Bộ Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	153
17	Bộ Y tế	136	3	0	0	0	133	10	0	4	0	6	0	785
18	Ngân hàng NN Việt Nam	30	0	5	0	0	25	8	0	0	0	7	1	136

Phụ lục III
KẾT QUẢ PHÂN CẤP TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 1015/QĐ-TTg NGÀY 30/8/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
NĂM 2024

Số TT	Tên bộ, cơ quan	Tổng số TTHC đã được phê duyệt PA phân cấp	Số TTHC đã thực thi PA phân cấp					Số còn tiếp tục phải thực thi phương án phân cấp						
			Trong năm 2024			Tổng cộng từ năm 2022 đến năm 2024		Số TTHC	Số lượng VB còn tiếp tục sửa đổi, bổ sung, thay thế					
			Tổng số	Từ cấp trên xuống cấp dưới	Trong nội bộ của bộ, cơ quan				Luật, P.lệnh	Nghị định	QB TTgCP	T.tư/ TTLT	Khác	+
						Tổng số	Tỷ lệ %							
A	B	1	2=(3+4)	3	4	6	7=(6/1)	8=(1-6)	9	10	11	12	13	14
Tổng cộng:		699	191	93	98	350	50%	349	33	39	5	45	1	119
1	Bộ Công an	49	38	38	0	49	100%	0	0	0	0	0	0	0
2	Ngân hàng NN Việt Nam	20	0	0	0	20	100%	0	0	0	0	0	0	0
3	Thanh tra Chính phủ	3	0	0	0	3	100%	0	0	0	0	0	0	0
4	Ủy ban dân tộc	2	0	0	0	2	100%	0	0	0	0	0	0	0
5	Bộ Nội vụ	55	48	8	40	48	87%	7	0	0	0	1	0	1
6	Bộ Quốc phòng	40	15	0	15	33	83%	7	0	1	0	1	0	2
7	Bộ Giao thông vận tải	58	15	1	14	48	83%	10	10	0	0	0	0	10
8	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	26	17	15	2	19	73%	7	0	2	0	0	0	2
9	Bộ Xây dựng	15	2	2	0	10	67%	5	0	4	0	0	0	4
10	Bộ Lao động - TB và XH	3	0	0	0	2	67%	1	1	0	0	0	0	1
11	Bộ Tài nguyên và MT	36	0	0	0	21	58%	15	3	3	0	1	0	7
12	Bộ Văn hóa, T.thao và DL	25	6	0	6	11	44%	14	4	1	0	0	0	5
13	Bộ Thông tin và Tr.thông	66	4	0	4	23	35%	43	2	4	2	4	0	12
14	Bộ Giáo dục và Đào tạo	19	5	3	2	6	32%	13	0	4	0	7	0	7
15	Bộ Nông nghiệp và PTNT	49	2	0	2	15	31%	34	3	1	1	1	0	6
16	Bộ Công Thương	45	13	13	0	13	29%	32	0	6	0	4	1	11
17	Bộ Tài chính	46	13	1	12	13	28%	33	2	2	1	12	0	17
18	Bộ Y tế	69	12	12	0	13	19%	56	0	2	0	9	0	11
19	Bộ Tư pháp	59	1	0	1	1	2%	58	7	7	0	5	0	19
20	Bộ Khoa học và C.ngệ	12	0	0	0	0	0%	12	1	2	0	0	0	3
21	Bộ Ngoại giao	2	0	0	0	0	0%	2	0	0	1	0	0	1

Phụ lục IV
KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TẠI CÁC BỘ, NGÀNH
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1085/QĐ-TTg NGÀY 15/9/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
NĂM 2024

Số TT	Tên bộ, cơ quan	Kết quả công bố TTHC nội bộ						Kết quả phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ										Kết quả thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ								
		Trong năm 2024			Cộng đến năm 2024			Trong năm 2024								Cộng đến năm 2024	Trong năm 2024						Cộng đến năm 2024			
		Nhóm A	Nhóm B	Cộng	Nhóm A	Nhóm B	Cộng	Số bãi bỏ		Số sửa đổi, bổ sung		Số giữ nguyên		Cộng			Số bãi bỏ		Số sửa đổi, bổ sung		Cộng		Tổng số		Tỷ lệ so với tổng số	
								Nhóm A	Nhóm B	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm A	Nhóm B		Nhóm A	Nhóm B	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm A	Nhóm B		Nhóm A
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	23	24	25	26	27
Tổng cộng:		268	396	664	878	1,090	1,968	11	10	94	78	132	48	237	136	237	187	8	10	69	53	77	63	77	63	7%
1	Bộ Nội vụ	16	0	16	30	0	30	0	0	41	0	70	0	111	0	111	0	0	0	41	0	41	0	41	0	137%
2	Bộ Quốc phòng	0	92	92	75	92	167	0	0	0	36	0	0	0	36	0	36	0	0	0	25	0	25	0	25	15%
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	3	14	17	6	17	23	0	0	3	0	0	0	3	0	3	0	0	0	3	0	3	0	3	0	13%
4	Bộ Văn hóa, TT&DL	12	16	28	31	16	47	0	0	14	5	0	0	14	5	14	5	1	0	0	5	1	5	1	5	13%
5	Bộ Khoa học và CN	8	3	11	21	15	36	1	3	0	0	0	0	1	3	1	3	1	3	0	0	1	3	1	3	11%
6	Bộ Tài chính	6	0	6	82	24	106	4	0	14	9	0	0	18	9	18	9	0	0	11	0	11	0	11	0	10%
7	Bộ Thông tin và TT	0	0	0	56	51	107	3	0	21	0	32	0	56	0	56	51	5	0	3	3	8	3	8	3	10%
8	Bộ Nông nghiệp và PTNT	0	0	0	91	67	158	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	1	0	9	5	10	5	10	5	9%
9	Bộ Ngoại giao	22	0	22	30	6	36	0	0	0	3	8	3	8	6	8	6	0	0	0	3	0	3	0	3	8%
10	Ngân hàng Nhà nước VN	0	0	0	0	77	77	0	0	0	6	0	0	0	6	0	6	0	0	0	6	0	6	0	6	8%
11	Bộ Lao động - TB&XH	15	3	18	15	13	28	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	2	0	7%
12	Bộ Y tế	0	12	12	10	70	80	0	6	0	6	0	0	0	12	0	12	0	5	0	0	0	5	0	5	6%
13	Văn phòng Chính phủ	0	0	0	25	114	139	0	0	0	6	0	8	0	14	0	14	0	0	0	6	0	6	0	6	4%
14	Bộ Tư pháp	3	19	22	26	31	57	0	0	1	4	0	8	1	12	1	12	0	1	0	0	0	1	0	1	2%
15	Bộ Giao thông vận tải	32	77	109	32	77	109	0	1	0	3	22	29	22	33	22	33	0	1	0	0	0	1	0	1	1%
16	Bộ Công an	27	0	27	46	173	219	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0%
17	Bộ Công thương	63	144	207	97	167	264	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0%
18	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0	0	0	84	11	95	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0%
19	Bộ Tài nguyên và MT	33	8	41	57	8	65	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0%
20	Bộ Xây dựng	25	0	25	42	5	47	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0%
21	Thanh tra Chính phủ	0	0	0	11	46	57	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0%
22	Ủy ban dân tộc	3	8	11	11	10	21	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0%

Phụ lục VI
KẾT QUẢ THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC, GIẤY TỜ CÔNG DÂN
LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ DÂN CƯ THEO 19 NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ
NĂM 2024

Số TT	Tên bộ, cơ quan	Tổng số TTHC phải thực thi phương án ĐGH	Số TTHC đã thực thi phương án ĐGH			Số còn tiếp tục phải thực thi phương án ĐGH				
			Trong năm 2024	Tổng cộng đã thực thi đến năm 2024		Số TTHC	Số lượng VB còn tiếp tục sửa đổi, bổ sung, thay thế			
				Tổng số	Tỷ lệ %		Luật, P.lệnh	Nghị định	QĐ của TTgCP	T.tư/ TTLT
A	B	1	3	4	5=(4/1)%	6=(1-4)	7	8	9	10
Tổng cộng:		1,084	313	898	83%	186	1	13	0	23
1	Bộ Công an	114	0	114	100%	0	0	0	0	0
2	Bộ Giao thông vận tải	76	33	76	100%	0	0	0	0	0
3	Bộ Khoa học và C.ngệ	13	0	13	100%	0	0	0	0	0
4	Bộ Lao động - T.bình và XH	60	8	60	100%	0	0	0	0	0
5	Bộ Nông nghiệp và PTNT	15	0	15	100%	0	0	0	0	0
6	Bộ Xây dựng	22	0	22	100%	0	0	0	0	0
7	Bảo hiểm XHVN	10	0	10	100%	0	0	0	0	0
8	Ngân hàng NN Việt Nam	30	15	30	100%	0	0	0	0	0
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo	32	4	31	97%	1	0	0	0	1
10	Bộ Quốc phòng	52	24	50	96%	2	0	0	0	4
11	Bộ Công Thương	67	8	63	94%	4	0	1	0	0
12	Bộ Văn hóa, Thể thao và DL	119	67	112	94%	7	0	1	0	0
13	Bộ Tài nguyên và M.trường	28	2	26	93%	2	0	0	0	1
14	Bộ Y tế	73	53	62	85%	11	0	1	0	3
15	Bộ Ngoại giao	26	2	20	77%	6	0	1	0	1
16	Bộ Thông tin và T.thông	68	0	48	71%	20	1	2	0	8
17	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	100	67	68	68%	32	0	1	0	2
18	Bộ Tài chính	71	3	32	45%	39	0	2	0	3
19	Bộ Tư pháp	108	27	46	43%	62	0	4	0	0

Phụ lục VIII
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
THEO BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
NĂM 2024

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Điểm đánh giá trong năm 2024	Tăng (+), giảm (-) so với năm 2023	Ghi chú
BỘ, NGÀNH				
1	Bộ Công thương	83.15	(+) 6,6	
2	Bộ Quốc phòng	80.87	(+) 4,3	
3	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	80.33	(+) 15,1	
4	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	72.05	(+) 12,3	
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	71.22	(-) 1,3	
6	Bộ Thông tin và Truyền thông	70.81	(+) 12,4	
7	Bộ Tư pháp	70.69	(+) 19,6	
8	Bộ Tài nguyên và Môi trường	63.98	(+) 19,5	
9	Bộ Xây dựng	62.73	(+) 4,8	
10	Bộ Công an	61.95	(-) 0,6	
11	Bộ Giao thông vận tải	59.65	(+) 4,7	
12	Bộ Giáo dục và Đào tạo	57.82	(+) 5,6	
13	Bộ Nội vụ	48.45	(+) 4,9	
14	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	48.12	(-) 4,6	
15	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	47.34	(-) 6,0	
16	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	45.64	(+) 6,2	
17	Bộ Ngoại giao	41.69	(+) 7,6	
18	Bộ Tài chính	39.14	(+) 0,6	
19	Bộ Y tế	33.81	(+) 2,1	
20	Bộ Khoa học và Công nghệ	29.01	(+) 2,8	
ĐỊA PHƯƠNG				
1	UBND tỉnh Cà Mau	91.06	(+) 1,43	
2	UBND tỉnh Bình Định	90.54	(+) 1,73	
3	UBND tỉnh Bắc Giang	89.49	(+) 2,59	
4	UBND tỉnh Thái Nguyên	88.25	(+) 1,2	
5	UBND tỉnh Bình Phước	88.19	(+) 20,25	
6	UBND tỉnh Hưng Yên	87.54	(+) 10,5	
7	UBND tỉnh Yên Bái	86.38	(+) 5,45	
8	UBND tỉnh Nam Định	86.34	(+) 5,51	
9	UBND tỉnh Lào Cai	85.61	(+) 4,05	
10	UBND tỉnh An Giang	85.59	(+) 16,74	

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Điểm đánh giá trong năm 2024	Tăng (+), giảm (-) so với năm 2023	Ghi chú
11	UBND Tỉnh Hòa Bình	85.52	(+) 7,4	
12	UBND tỉnh Hà Giang	85.34	(+) 5,95	
13	UBND tỉnh Quảng Ngãi	85.01	(+) 14,19	
14	UBND tỉnh Bắc Kạn	84.76	(+) 15,2	
15	UBND tỉnh Lai Châu	84.72	(+) 6,31	
16	UBND Thành phố Cần Thơ	84.67	(+) 7,51	
17	UBND tỉnh Quảng Trị	84.64	(+) 6,03	
18	UBND tỉnh Bình Dương	84.17	(+) 2,41	
19	UBND tỉnh Kiên Giang	84.16	(+) 15,96	
20	UBND tỉnh Quảng Nam	84.15	(+) 10,09	
21	UBND tỉnh Lâm Đồng	83.81	(+) 0,75	
22	UBND tỉnh Kon Tum	83.43	(+) 4,45	
23	UBND tỉnh Sóc Trăng	83.31	(+) 18,62	
24	UBND tỉnh Tuyên Quang	83.14	(+) 12,87	
25	UBND tỉnh Hà Nam	83.07	(-) 0,96	
26	UBND tỉnh Hải Dương	82.99	(-) 1,25	
27	UBND tỉnh Nghệ An	82.77	(+) 14,36	
28	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	82.65	(+) 6,97	
29	UBND tỉnh Long An	81.88	(+) 14,4	
30	UBND tỉnh Đồng Tháp	81.87	(+) 9,34	
31	UBND tỉnh Hà Tĩnh	81.73	(+) 6,64	
32	UBND tỉnh Phú Yên	81.57	(+) 9,52	
33	UBND tỉnh Bình Thuận	81.12	(+) 19,12	
34	UBND tỉnh Bắc Ninh	80.82	(+) 8,12	
35	UBND Thành phố Hải Phòng	80.81	(+) 6,54	
36	UBND tỉnh Tây Ninh	80.65	(+) 9,24	
37	UBND tỉnh Thanh Hóa	80.58	(+) 8,85	
38	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	80.22	(+) 3,91	
39	UBND tỉnh Quảng Bình	79.82	(+) 21,33	
40	UBND tỉnh Ninh Bình	79.67	(+) 2,3	
41	UBND tỉnh Cao Bằng	79.66	(+) 9,24	
42	UBND tỉnh Quảng Ninh	79.45	(+) 2,17	
43	UBND tỉnh Sơn La	79.22	(+) 19,25	
44	UBND tỉnh Vĩnh Long	79.1	(+) 16,38	
45	UBND tỉnh Điện Biên	78.85	(+) 6,25	
46	UBND tỉnh Phú Thọ	78.82	(+) 6,87	

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Điểm đánh giá trong năm 2024	Tăng (+), giảm (-) so với năm 2023	Ghi chú
47	UBND tỉnh Ninh Thuận	78.81	(+) 3,23	
48	UBND tỉnh Đắk Lắk	78.67	(+) 4,6	
49	UBND tỉnh Lạng Sơn	78.02	(+) 8,39	
50	UBND tỉnh Khánh Hòa	76.97	(+) 3,03	
51	UBND tỉnh Bến Tre	76.16	(+) 10,9	
52	UBND tỉnh Tiền Giang	74.57	(+) 8,6	
53	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	74.26	(+) 3,21	
54	UBND tỉnh Hậu Giang	73.27	(+) 11,97	
55	UBND tỉnh Gia Lai	73.17	(+) 17,63	
56	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	68.51	(+) 0,34	
57	UBND tỉnh Thái Bình	67.49	(+) 2,82	
58	UBND tỉnh Đồng Nai	66.65	(+) 1,83	
59	UBND tỉnh Trà Vinh	66.39	(+) 9,22	
60	UBND Thành phố Đà Nẵng	65.95	(-) 4,73	
61	UBND Thành phố Hà Nội	62.44	(+) 1,96	
62	UBND tỉnh Bạc Liêu	58.4	(+) 3,04	
63	UBND tỉnh Đắk Nông	56.26	(+) 1,66	

Ghi chú: Số liệu đánh giá tại thời điểm ngày 30/12/2024.

Phụ lục IX
TỔNG HỢP TRẢ LỜI ĐỐI VỚI NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
TẠI BÁO CÁO CẢI CÁCH TTHC THÁNG 12 NĂM 2024 THUỘC THẨM QUYỀN CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số TT	Bộ, ngành, địa phương có đề xuất, kiến nghị	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Nội dung trả lời của Văn phòng Chính phủ
I	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		
1.	Bộ Công Thương	Kiến nghị Văn phòng Chính phủ phối hợp với Bộ Công Thương cập nhật số lượng DVCTT toàn trình và một phần trên Cổng DVCQG	VPCP đã hướng dẫn cập nhật Danh mục DVC TT toàn trình thuộc thẩm quyền ban hành của BCT tại hội nghị ngày 03/12/2024. Đề nghị Bộ thực hiện cập nhật theo hướng dẫn; kịp thời liên hệ với VPCP để tháo gỡ các KKVM trong quá trình thực hiện
2.	UBND tỉnh Phú Yên	Hỗ trợ địa phương kết thúc hồ sơ của Sở Kế hoạch và Đầu tư đang ghi nhận trễ hạn trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Các hồ sơ thực tế đã được kết thúc nhưng vẫn còn “treo” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia được đồng bộ từ Hệ thống Đăng ký kinh doanh quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (cụ thể các mã hồ sơ: 000.01.08.H45-240117-6025; 000.01.08.H45-240119-6006...).	Cổng Dịch vụ công quốc gia ghi nhận trạng thái xử lý hồ sơ tại Bộ, ngành, địa phương dựa trên tình hình xử lý hồ sơ của BNĐP và dữ liệu do BNĐP đồng bộ từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp Bộ, cấp tỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đối với các hồ sơ được địa phương tiếp nhận và xử lý trên Hệ thống Đăng ký kinh doanh quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cổng Dịch vụ công quốc gia ghi nhận dựa trên dữ liệu do Bộ KHĐT đồng bộ. Do đó, địa phương đề nghị Bộ KHĐT thực hiện đồng bộ dữ liệu đầy đủ, đúng theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ (Tài liệu hướng dẫn được công khai tại mục Hỗ trợ Bộ, ngành, địa phương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia).

3.	Thừa Thiên - Huế	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh thực hiện đồng bộ hồ sơ theo tài liệu cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia "service": "DongBoHoSoMC"; trong đó, trường thông tin "MaKetQuaThayThe" báo lỗi không hỗ trợ đồng bộ thông tin theo danh mục giấy tờ kết quả trên Cơ sở dữ liệu TTHC quốc gia. Kiến nghị, Văn phòng Chính phủ điều chỉnh yêu cầu thông tin đồng bộ của trường thông tin "MaKetQuaThayThe" theo đúng quy định của TTHC.	Hiện tại, Văn phòng Chính phủ đã có nhóm hỗ trợ kỹ thuật giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia và địa phương. Do đó, đề nghị địa phương trao đổi chi tiết thông tin của lỗi kỹ thuật (Thông báo lỗi, màn hình lỗi,...) trong nhóm để Văn phòng Chính phủ kiểm tra, xử lý.
4.	UBND tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị Văn phòng Chính phủ tiếp tục hỗ trợ, cung cấp giải pháp kỹ thuật trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia để chia sẻ dữ liệu kết quả đánh giá với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để địa phương chủ động thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, công khai TTHC theo quy định.	Ghi nhận ý kiến của địa phương để nâng cấp Cổng Dịch vụ công quốc gia trong thời gian tới.
5.	UBND tỉnh Lạng Sơn	Kiến nghị Văn phòng Chính phủ bổ sung Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng sơn trong danh sách các đơn vị cấp sở thực hiện đánh giá theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên Cổng DVCQG	Theo quy định tại Khoản b Điều 15 Quyết định số 31/QĐ-TTg ngày 11/10/2021, UBND cấp tỉnh thực hiện việc cập nhật danh mục đơn vị hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (CSDLQGTTTHC); Văn phòng UBND cấp tỉnh giúp UBND cấp tỉnh tổ chức cập nhật, đăng tải hoặc phân quyền người sử dụng cho các sở, ngành; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc cập nhật. Hiện tại, Văn phòng Chính phủ đã phân quyền cho tài khoản quản trị của địa phương để chủ động trong việc

			điều chỉnh thông tin định danh các đơn vị tại địa phương trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Đề nghị địa phương nghiên cứu triển khai thực hiện.
6.	UBND tỉnh Bình Phước	Ngày 05/01/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP giao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình năm 2024 tại các địa phương đạt tối thiểu 80%. Bên cạnh đó, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ tại điểm b khoản 1 đã có chỉ đạo: "...yêu cầu các bộ, ngành trước ngày 15 tháng 12 năm 2023 phải hoàn thành công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình để địa phương tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quốc." Tuy nhiên, qua thống kê dữ liệu TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại các bộ, ngành (https://quantri.dichvucong.gov.vn/), đến nay tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trung bình đạt 30%. Kết quả này, chi phối đến việc triển khai nhiệm vụ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại các địa phương về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Trong thời gian tới, địa phương kiến nghị Văn phòng Chính phủ sẽ xem xét, có giải pháp hỗ trợ, hướng dẫn địa phương triển khai, thực hiện	Hiện tại, tất cả Bộ, ngành đã công bố danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Do đó, đề nghị địa phương nghiên cứu triển khai theo đúng quy định.

		nhiệm vụ, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.	
7.	UBND tỉnh Quảng Bình	Nền tảng thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia còn yêu cầu nhiều thao tác khi thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí DVCTT/TTHC; chưa thực sự tạo thuận lợi để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong khai thác DVCTT; chưa tự động hoàn trả phí, lệ phí thanh toán trực tuyến đã chuyển vào tài khoản chờ nộp vào ngân sách của cơ quan giải quyết TTHC đối với các hồ sơ nộp trực tuyến bị từ chối, trả lại... Vì vậy, UBND tỉnh Quảng Bình kính đề nghị Văn phòng Chính phủ thực hiện nâng cấp Cổng DVC quốc gia, tối ưu hóa nền tảng thanh toán trực tuyến, bảo đảm tiện ích cho người dân khi sử dụng DVCTT.	Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 30 Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023: “Việc thực hiện đề nghị hoàn trả đối với giao dịch thanh toán các khoản thu phí, lệ phí, thu phạt đã được hạch toán vào tài khoản cơ quan thu tại Kho bạc Nhà nước trên Cổng Dịch vụ công quốc gia như sau: a) Cán bộ được phân quyền “Lập chứng từ hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước” thực hiện việc lập chứng từ tại chức năng quản trị đối với mã giao dịch thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền gửi chứng từ hoàn sang Kho bạc Nhà nước thì sử dụng mẫu chứng từ hoàn trả theo quy định của Bộ Tài chính; b) Cán bộ được phân quyền “Phê duyệt chứng từ hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước” phê duyệt chứng từ tại chức năng quản trị; c) Chuyển lệnh hoàn trả sang Kho bạc Nhà nước. Cán bộ được phân công lập chứng từ, phê duyệt, theo dõi tình hình, kết quả xử lý của Kho bạc Nhà nước trên chức năng quản trị của Cổng Dịch vụ công quốc gia.” Hiện tại, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã đáp ứng việc cán bộ thực hiện quy trình hoàn tiền tại phân hệ quản trị của Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng quy định. Do đó, đề nghị địa phương nghiên cứu, thực hiện đúng quy

			định và đúng hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ (Tài liệu hướng dẫn được công khai tại mục Hỗ trợ Bộ, ngành, địa phương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia).
8.	UBND tỉnh Quảng Bình	Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 về việc tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp DVC và các văn bản của Văn phòng Chính phủ đôn đốc kiểm tra, xử lý dứt điểm các hồ sơ “quá hạn đang xử lý” được tích hợp lên Cổng DVC quốc gia, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh tình trạng xử lý hồ sơ TTHC chậm trễ, quá hạn trên Hệ thống TTGQTTHC của tỉnh được kết nối, đồng bộ lên Cổng DVC quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số vướng mắc như sau: Qua tổng hợp kết quả rà soát, giải trình của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh, trong quá trình nâng cấp Hệ thống TTGQTTHC của tỉnh Quảng Bình từ phiên bản cũ lên phiên bản mới đầu năm 2024, có một số hồ sơ khi đồng bộ lên Cổng DVC quốc gia tuy đã xử lý xong nhưng vẫn đang tồn đọng ở trạng thái “Đang xử lý quá hạn”, gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị trong công tác rà soát, giải trình hằng tháng, ảnh hưởng đến chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp của tỉnh trên Cổng	Tại một thời điểm, Cổng Dịch vụ công quốc gia chỉ ghi nhận duy nhất 1 trạng thái hồ sơ do địa phương đồng bộ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Đồng thời, Cổng Dịch vụ công quốc gia chỉ ghi nhận trạng thái hồ sơ được đồng bộ lên tại thời điểm gần nhất. Do đó, đề nghị địa phương thực hiện việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính và đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng quy định và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ (Tài liệu hướng dẫn được công khai tại mục Hỗ trợ Bộ, ngành, địa phương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia).

		DVC quốc gia. Nguyên nhân được xác định do trên CSDL đồng bộ của Cổng DVC quốc gia đang ghi nhận cùng lúc 02 trạng thái đồng bộ của cùng 01 mã hồ sơ từ Hệ thống TTGQTTHC của tỉnh. Do vậy, UBND tỉnh Quảng Bình kính đề nghị Văn phòng Chính phủ hỗ trợ xóa 01 trạng thái dư thừa của các hồ sơ tỉnh Quảng Bình được đồng bộ trên Cổng DVC quốc gia (UBND tỉnh Quảng Bình đã có văn bản kiến nghị số 1971/UBND-KSTT ngày 25/10/2024).	
9.	UBND tỉnh An Giang	Kiến nghị tăng số lượng các ngân hàng liên kết trên Cổng dịch vụ công quốc gia để thuận tiện hơn cho người dân, doanh nghiệp khi thanh toán trực tuyến.	Các ngân hàng, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán đã được cấp giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có đề nghị kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia cần đảm bảo quy định về việc cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến tại Chương V Quyết định số 31/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, việc tăng số lượng các ngân hàng liên kết trên Cổng Dịch vụ công quốc gia cần được đảm bảo theo đúng quy định. Bên cạnh đó, hiện nay Cổng Dịch vụ công quốc gia đã kết nối với nhiều tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán như NAPAS, MOMO, VNPTPay,... cho phép thanh toán bằng tất cả các ngân hàng chưa kết nối trực tiếp với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

10.		Kiến nghị bổ sung phương thức quét mã QR để thanh toán phí, lệ phí TTHC để thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp hơn khi thanh toán và bảo mật thông tin người dùng.	VPCP ghi nhận ý kiến đóng góp của địa phương và sẽ tiếp tục nghiên cứu để nâng cấp chất lượng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
11.	UBND tỉnh Yên Bái	Đề nghị Văn phòng chính phủ hỗ trợ địa phương tháo gỡ khó khăn trong việc chia sẻ và đồng bộ dữ liệu từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia.	Hiện tại, Văn phòng Chính phủ đã có nhóm hỗ trợ kỹ thuật giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia và địa phương. Bên cạnh đó, ngày 14/12/2024, Văn phòng Chính phủ đã ban hành công văn số 9213/VPCP-KSTT tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc của Bộ, ngành, địa phương trong việc đồng bộ dữ liệu. Do đó, đề nghị địa phương nghiên cứu công văn số 9213/VPCP-KSTT để triển khai, thực hiện; đồng thời, trao đổi chi tiết thông tin các vấn đề vướng mắc về kỹ thuật (Thông báo lỗi, màn hình lỗi,...) trong nhóm để Văn phòng Chính phủ hỗ trợ kiểm tra, xử lý.
II	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		
12.	UBND tỉnh Gia Lai	Tạo điều kiện, bổ sung thêm tính năng xuất file excel danh sách hồ sơ trễ hạn trên Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để địa phương thuận tiện hơn trong việc kiểm tra các hồ sơ quá hạn của các cơ quan, đơn vị. Vì hiện tại trên hệ thống có biểu tượng excel nhưng không xuất được file để kiểm tra.	Hiện tại, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp danh mục hồ sơ quá hạn đang xử lý; đối với danh mục hồ sơ đã giải quyết quá hạn, Cổng Dịch vụ công quốc gia cung cấp cho các Bộ, ngành, địa phương thông qua chức năng Gửi yêu cầu hỗ trợ tại Phân hệ quản trị của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

			Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến của địa phương đề tiếp tục nâng cấp Công Dịch vụ công quốc gia trong thời gian tới.
13.	Thừa Thiên - Huế	Đề nghị Văn phòng Chính phủ không trừ điểm đánh giá về chỉ số công bố trễ hạn đối với 59 TTHC được UBND tỉnh tỉnh Thừa Thiên Huế công bố công khai tại Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 về Công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế). Lý do: - Căn cứ Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Quyết định này Bộ Tài nguyên và Môi trường lấy lùi số ban hành so với ngày thực tế công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (ngày công khai 17/8/2024). Đồng thời, ngày Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi trên Trục liên thông văn bản quốc gia ngày 15/8/2024.	Trường hợp Bộ, ngành công bố chậm, Công Dịch vụ công quốc gia đã tính thời hạn công bố của địa phương dựa trên ngày công khai quyết định công bố của Bộ, ngành.

		- Căn cứ thời gian công khai Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (17/8/2024) làm căn cứ ban hành Quyết định công bố của UBND tỉnh theo hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành trong khoảng thời gian đảm bảo thời gian quy định (05 ngày kể từ ngày Bộ công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC). Do đó, việc Bộ Chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến trừ điểm đánh giá công khai trễ hạn cho tỉnh do lỗi công bố chậm của Bộ, ngành Trung ương là chưa phù hợp. Đề nghị Văn phòng Chính phủ căn cứ ngày Bộ Tài nguyên và Môi trường công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để đánh giá điểm công bố trễ hạn đối với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, do đây không phải là loại công bố TTHC (đặc thù) căn cứ vào Văn bản quy phạm pháp luật mà Quyết định công bố này của địa phương thuộc loại công bố danh mục TTHC căn cứ vào Quyết định cá biệt (văn bản hành chính) của Bộ để làm cơ sở ban hành theo hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.	
14.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Hiện tại Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp	Điều 2 Quyết định số 766/QĐ-TTg quy định “ <i>đối tượng được đánh giá là các bộ, cơ quan ngang bộ, Bảo</i>

		trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã cung cấp dữ liệu cụ thể của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã để địa phương theo dõi, đánh giá. Đề nghị cung cấp dữ liệu Bộ Chỉ số đến từng phòng, ban của UBND cấp huyện và điều chỉnh Quyết định 766/QĐ-TTg để quy định cụ thể cách tính điểm Bộ Chỉ số của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các phòng, ban của UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	<i>hiểm Xã hội Việt Nam, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị trực thuộc các cơ quan trên; các cơ quan, đơn vị khác có cung cấp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh". Do đó, đối tượng đánh giá theo Quyết định số 766/QĐ-TTg đã bao gồm cả các phòng ban của UBND cấp huyện.</i> Hiện tại, các phòng ban cấp huyện chưa được địa phương khai báo mã đơn vị trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và trong mã hồ sơ thủ tục hành chính của tỉnh nên chưa có cơ sở để phân tách chi tiết theo đề nghị của tỉnh.
15.	UBND tỉnh Quảng Bình	Hàng quý, sau thời điểm các địa phương đã hoàn thành cập nhật dữ liệu báo cáo định kỳ hàng quý lên Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ, kính đề nghị Văn phòng Chính phủ kịp thời đồng bộ dữ liệu số lượng hồ sơ TTHC về Hệ thống phần mềm Bộ chỉ số đánh giá việc giải quyết TTHC, cung cấp DVC theo Quyết định số 766/QĐ-TTg để địa phương có cơ sở chỉ đạo, điều hành kịp thời đối với các đơn vị, địa phương trên địa bàn.	Sau khi địa phương hoàn thành các biểu báo cáo, ký số hợp lệ và gửi cho VPCP, Hệ thống thông tin báo cáo của VPCP sẽ tự động đồng bộ với Bộ Chỉ số để có cơ sở tính toán, xếp hạng theo quy định.
16.	UBND Tỉnh Sơn La	Đề nghị VPCP có giải pháp kỹ thuật để quá trình đồng bộ diễn ra theo thời gian thực, đồng thời có công cụ hỗ trợ địa phương theo dõi, xử lý chính	Hiện nay, Bộ Chỉ số đang thực hiện đánh giá với tần suất 01 lần/tuần. Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến của địa phương và sẽ tiếp tục nghiên cứu, có giải pháp nâng

		xác các hồ sơ quá hạn, chậm hạn theo Bộ Chỉ số trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	cấp, hoàn thiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg.
17.	UBND tỉnh Yên Bái	Kiến nghị Văn phòng Chính phủ: - Xem xét điều chỉnh Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử vì tỷ lệ này là 100% nên các địa phương khó đạt được;	Việc cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử tại Bộ, ngành, địa phương phục vụ liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các Bộ, ngành, địa phương để cắt giảm thông tin, giấy tờ người dân, doanh nghiệp cần nộp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời, đây là quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và là chỉ tiêu được Chính phủ giao Bộ, ngành, địa phương thực hiện tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024. Do đó đề nghị địa phương thực hiện đúng quy định, nhiệm vụ được Chính phủ giao.
18.		- Sửa lại cách tính thời gian công bố, công khai TTHC địa phương hoá cho các địa phương là 10 ngày kể từ ngày các Bộ, ngành Trung ương cập nhật, công khai TTHC lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.	Trường hợp Bộ, ngành công bố, công khai đúng hạn, đề nghị địa phương thực hiện theo quy định về công bố, công khai thủ tục hành chính được quy định tại Điều 15, Điều 24 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 (Sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017). Trường hợp Bộ, ngành công bố chậm, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã tính thời hạn công bố của địa phương dựa trên ngày công khai quyết định công bố của Bộ, ngành.
19.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Xem xét giảm trừ tỷ lệ thanh toán trực tuyến của tỉnh đối với các hồ sơ TTHC được miễn thu phí,	Đối với các trường hợp miễn phí, lệ phí theo quy định của HĐND, bên cạnh việc cập nhật đúng mức phí và văn bản

		lệ phí theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa quy định việc miễn thu phí, lệ phí với dịch vụ công trực tuyến khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thực hiện TTHC trên môi trường mạng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	quy định phí lệ, phí của HĐND cấp tỉnh trong CSDLQGTTTHC, ĐP cần truyền giá trị mức phí =0 khi thực hiện đồng bộ trạng thái hồ sơ giải quyết TTHC với Cổng DVC quốc gia
20.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị Văn phòng Chính phủ hỗ trợ địa phương rà soát, kiểm tra lại chỉ số hài lòng trên Bản đồ thực thi thể chế 766 trên Cổng DVC quốc gia. Cụ thể: năm 2024, tổng số phản ánh, kiến của tỉnh Thanh Hóa trên Bản đồ 766 là 1.751 PAKN. Tuy nhiên, qua tra cứu trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị trên Cổng DVC quốc gia (tại thời điểm ngày 17/12/2024), thực tế tỉnh Thanh Hóa chỉ có 874 PAKN. Điều này làm ảnh hưởng đến tỷ lệ xử lý PAKN đúng hạn và chỉ số mức độ hài lòng của tỉnh. Do đó, đề nghị Văn phòng Chính phủ kiểm tra, điều chỉnh lại tổng số phản ánh, kiến nghị của tỉnh đang bị sai lệch trên Bản đồ 766.	VPCP đã kiểm tra và xin thông tin lại như sau: - Tổng số PAKN trong năm 2024 của THA là 978 PAKN, đã xử lý đúng hạn 857 (đạt tỷ lệ: 87,63%). Do tỉnh sử dụng hệ thống PAKN tích hợp với Cổng DVC quốc gia nên trong trường hợp phát hiện số liệu chưa được chính xác, cập nhật so với số liệu trên hệ thống của tỉnh, đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa kiểm tra lại các trạng thái PAKN đã được tỉnh đồng bộ với Cổng DVC quốc gia (tiếp nhận, hoàn thành, đã công khai...) bảo đảm thống nhất, đồng bộ
III	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
21.	UBND tỉnh Sơn La	Kiến nghị Văn phòng Chính phủ nâng cấp, bổ sung thêm chức năng của hệ thống đăng nhập cơ sở dữ liệu về TTHC trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Cho phép xóa và chuyển TTHC đã công khai từ Quyết định cũ sang Quyết định mới, hiện nay chỉ có chức năng xóa Quyết định đã công khai,	Thiết kế chức năng trên CSDLQGTTTHC được thực hiện bảo đảm tuân thủ quy trình cập nhật, thêm mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC quy định tại Chương III Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg. Đề nghị UBND tỉnh Sơn La nghiên cứu kỹ quy trình để thực hiện.

		khi có thay đổi sẽ phải kéo lại từng TTHC rất mất thời gian trong việc cập nhật.	
IV	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN TTHC NỘI BỘ		
22.	UBND tỉnh Bắc Kạn	Đề nghị Văn phòng Chính phủ tham mưu ban hành thể chế riêng quy định về việc thực hiện TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.	VPCP ghi nhận ý kiến của địa phương và sẽ nghiên cứu, tham mưu cho cấp có thẩm quyền vào thời điểm phù hợp.
23.	UBND tỉnh Gia Lai	Đề nghị Văn phòng Chính phủ quan tâm, tạo điều kiện và hướng dẫn địa phương công bố TTHC nội bộ đối với những TTHC đã được các Bộ, ngành công bố theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP để địa phương thực hiện công bố TTHC nội bộ theo yêu cầu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg và văn bản số 5990/VPCP-KSTT của Văn phòng Chính phủ	- Với TTHC nội bộ đang được công bố và kiểm soát theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Văn phòng Chính phủ, đề nghị các địa phương thực hiện việc rà soát, đơn giản hóa trong phạm vi thẩm quyền của mình theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ. - Những TTHC đã được bộ, ngành công bố thì địa phương vẫn thực hiện công bố, lưu ý công bố đầy đủ cả nội dung quy định cụ thể để áp dụng tại địa phương (nếu có).
V	NHÓM NỘI DUNG KHÁC LIÊN QUAN		
24.	Bộ Giao thông vận tải	Đề nghị Văn phòng Chính phủ quan tâm, hỗ trợ cấp quyền quản trị cấp cao cho Bộ GTVT để thực hiện phân quyền cho các đơn vị thuộc Bộ trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.	VPCP sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ GTVT và đơn vị cung cấp dịch vụ để khắc phục khó khăn vướng mắc như nội dung Bộ kiến nghị.
25.	UBND các tỉnh: Lạng	Đề nghị Văn phòng Chính phủ tiếp tục quan tâm đôn đốc các bộ, ngành Trung ương kịp thời công	Ghi nhận ý kiến của địa phương. Văn phòng Chính phủ sẽ tiếp tục đôn đốc các Bộ, ngành đảm bảo thực

	Sơn, Quảng Nam, Thái Nguyên, Khánh Hòa	bố TTHC thuộc phạm vi quản lý theo đúng thời hạn quy định, nội dung chính xác theo các văn bản pháp luật quy định về TTHC đề địa phương có cơ sở thực hiện. Trường hợp Bộ, ngành công bố, công khai trễ thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính thì không tính trễ cho địa phương	hiện việc công bố, công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Điều 14, Điều 25 Nghị định 63/2010/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 92/2017/NĐ-CP). Trường hợp Bộ, cơ quan công bố chậm so với quy định thì ĐP sẽ có thêm 05 ngày làm việc để thực hiện công bố danh mục TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh, thành phố kể từ ngày công bố của Bộ, cơ quan
26.	Bộ Y tế	Sửa đổi Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát TTHC, trong đó bổ sung mẫu Quyết định công bố TTHC được thực hiện tại các Bộ ngành nhưng thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ khác; sửa mẫu Quyết định công bố TTHC phù hợp với phần mềm CSDL Quốc gia về TTHC để các Bộ, ngành thực hiện theo quy định chuẩn; sửa Mẫu Danh mục đính kèm Quyết định công bố phù hợp với quy định về thể thức văn bản tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP; Nơi nhận của Quyết định công bố, ngoài việc gửi UBND các tỉnh/thành phố cần gửi cho đơn vị chuyên môn (Sở/ngành) tại các địa phương để tham mưu cho UBND tỉnh kịp thời.	Đối với việc công bố TTHC tại các bộ, ngành, Điều 7 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ đã quy định trách nhiệm của các đơn vị chức năng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng quyết định công bố TTHC trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ, ngành mình. Do đó, đề nghị của Bộ về việc bổ sung mẫu quyết định công bố TTHC được thực hiện tại các Bộ ngành nhưng thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ khác là chưa hợp lý bởi các bộ, ngành (bao gồm cả bộ khác) cũng là cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết TTHC. Theo đó, đây là một bộ phận cấu thành của TTHC, đã có trong dự thảo quyết định công bố. Do đó, đề nghị đối với TTHC thực hiện ở bộ khác thì cần mô tả cụ thể chi tiết trong cơ quan thực hiện TTHC. Đối với việc cập nhật, công khai TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC: Đây là trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương. Do đó, đề nghị các bộ, ngành, địa phương

			rà soát chuẩn hóa cập nhật dữ liệu TTHC trên CSDL quốc về TTHC theo đúng quy định. Đối với các nội dung khác, Văn phòng Chính phủ sẽ nghiên cứu trong quá trình sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.
27.	UBND Kon Tum	Việc cấu hình tên 02 nhóm TTHC liên thông trên Hệ thống Báo cáo của Văn phòng Chính phủ chưa đúng với tên theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ dẫn đến khó khăn cho địa phương trong việc tìm tên nhóm để nhập liệu báo cáo.	VPCP xin thông tin lại như sau: - Hiện không có biểu mẫu báo cáo nào quy định tại TT số 01/2020/-TT-VPCP mà ĐP phải thực hiện cần phải nêu đầy đủ tên từng TTHC mà chỉ báo cáo theo lĩnh vực (VD: nhóm biểu số 6 về tiếp nhận, giải quyết TTHC...) - Lĩnh vực của 02 nhóm TTHC liên thông được công bố theo NĐ 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 đã được cập nhật trên CSDLQGTTTHC, đã được đồng bộ với Hệ thống thông tin báo cáo VPCP từ giai đoạn thực hiện thí điểm 02 nhóm DVC liên thông này (từ 2022). Từ 2022 đến nay, các ĐP đều thực hiện báo cáo theo 02 nhóm lĩnh vực nêu trên.

Phụ lục X
TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI CÁC BỘ, NGÀNH
THÁNG 12 NĂM 2024

Số TT	Bộ, ngành, địa phương kiến nghị	Nội dung đề xuất, kiến nghị
I	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Công an	
1.	UBND tỉnh Bình Định	Kính đề nghị Bộ Công an xem xét, cho ý kiến các cơ quan thuộc lực lượng vũ trang đối với việc tạo lập tài khoản cơ quan để nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Vì theo phản ánh của Công an tỉnh (Công văn số 3573/CAT-PV01 ngày 09/9/2024), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (Công văn số 2908/BCH-VP ngày 13/11/2024) do quy định về yếu tố bí mật nhà nước nên không thể tạo lập tài khoản cơ quan để thực hiện nhiệm vụ này.
2.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị Bộ Công an quan tâm khắc phục tình trạng chậm hoàn tiền cho công dân đối với hồ sơ từ chối trên phần mềm lý lịch tư pháp trên Ứng dụng Vneid.
3.		Đề nghị Bộ Công an phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn UBND cấp xã cách giải quyết trong trường hợp hồ sơ liên thông 3 trong 1 chưa được Bộ Công an cấp mã số định danh cho trẻ em (hiện nay không thể thực hiện dừng tính đối với quy trình liên thông 3 trong 1).
II	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo	
4.	UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đối với các nhóm TTHC liên quan đến thành lập, sáp nhập, chia tách trường, trung tâm thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện: Theo quy định tại Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì UBND cấp huyện hoặc UBND cấp tỉnh thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho cơ quan, tổ chức, cá nhân; nếu hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc UBND cấp tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập/sáp nhập, chia, tách trường, trung tâm. Tuy nhiên, việc quy định UBND cấp huyện và UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo cho cơ quan chuyên môn thẩm định hồ sơ ngay sau bước tiếp nhận hồ sơ đầu vào sẽ làm kéo dài thời gian giải quyết TTHC và không cần thiết,

		vì cơ quan chuyên môn (Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo) là cơ quan tham mưu, giúp UBND cùng cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương. Do đó, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất Chính phủ xem xét sửa đổi quy định trình tự thực hiện đối với các TTHC này theo hướng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cùng cấp tiếp nhận hồ sơ và thực hiện thẩm định trước khi tham mưu, trình Chủ tịch UBND xem xét, quyết định, không cần thiết phải trải qua bước UBND cùng cấp có văn bản giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ.
5.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát 06 TTHC cấp tỉnh (Mã số TTHC: 1.005065, 1.000744, 1.005057, 1.005062, 1.004439, 1.004440) được công bố tại Quyết định số 3277/QĐ-BGDĐT ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, các TTHC này đã được thay thế theo các Quyết định số 2319/QĐBGDDĐT ngày 29/8/2024 và Quyết định số 1766/QĐ-BGDĐT ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố TTHC nội bộ mới ban hành và TTHC được thay thế trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo; do đó đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định các TTHC này thuộc TTHC nội bộ hay TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC để địa phương thống nhất thực hiện.
III Kiến nghị, đề xuất với Bộ Giao thông vận tải		
6.	UBND thành phố Cần Thơ	Đề nghị Bộ Giao thông vận tải nâng cấp Hệ thống Đăng ký dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục đổi giấy phép lái xe của Cục Đường bộ Việt Nam, không hạn chế số lượng hồ sơ trực tuyến trong ngày như hiện nay
7.	UBND tỉnh An Giang	Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải: - Khi thực hiện công bố thủ tục hành chính nên gửi Quyết định đến địa phương để tiến hành công bố, công khai theo đúng thời gian quy định (Theo Điều 9 tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP).
8.		- Sớm có giải pháp nâng cấp Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, hỗ trợ địa phương thực hiện đồng bộ dữ liệu chuyên ngành đối với các hồ sơ tiếp nhận trực tiếp về thủ tục cấp, cấp đổi giấy phép lái xe trên hệ thống của Bộ với Công Dịch vụ công quốc gia để tỉnh được tính điểm công khai, minh bạch theo đánh giá tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Hoặc chia sẻ các API để tỉnh thực hiện tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, sau đó dữ liệu được đồng bộ về phần mềm chuyên ngành của Bộ để xử lý nghiệp vụ, nhằm tránh tiếp diễn

		tình trạng cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện cập nhật trên nhiều hệ thống, gây lãng phí thời gian, chi phí, nguồn lực, giảm năng suất lao động theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.
9.	UBND tỉnh Nghệ An	Trong thời gian vừa qua, số lượng hồ sơ cấp, đổi Giấy phép lái xe thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tăng đột biến, trung bình khoảng 300 lượt người/ngày (có thời điểm lên đến 380 lượt người dân/ngày). Trong đó, có nhiều người dân lựa chọn hình thức nộp hồ sơ cấp giấy phép lái xe trực tuyến, tuy nhiên, Phần mềm cấp, đổi giấy phép lái xe của Bộ Giao thông vận tải lại hạn chế số lượng nộp hồ sơ trực tuyến hàng ngày, dẫn đến việc người dân không thể nộp hồ sơ trực tuyến và phải nộp trực tiếp. Việc nộp hồ sơ TTHC trực tiếp gây tốn kém cho người dân và tăng áp lực cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ trực tiếp, nhiều thời điểm quá tải, không thể đáp ứng nhu cầu của người dân. Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải sớm nâng cấp Phần mềm để người dân nộp hồ sơ trực tuyến thuận lợi và không bị hạn chế về số lượng hồ sơ tiếp nhận.
IV	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
10.	UBND tỉnh Bến Tre	Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tổ chức tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn cài đặt chữ ký số điện tử đối với kết quả giải quyết của các TTHC liên quan đến lĩnh vực doanh nghiệp cho địa phương. Đồng thời, nâng cấp Hệ thống đăng ký kinh doanh quốc gia hạn chế tình trạng quá tải khi thực hiện giải quyết TTHC hoặc trích xuất dữ liệu.
11.	UBND tỉnh An Giang	Hỗ trợ sớm thực hiện việc đồng bộ dữ liệu mà địa phương xử lý trên Hệ thống của Bộ (phần mềm chuyên ngành: đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, hộ kinh doanh cấp huyện) với Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ đánh giá chỉ số công khai, minh bạch của tỉnh theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg.
12.	UBND tỉnh Quảng Bình	Về việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp a) Tỉnh Quảng Bình đã hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu về tình hình xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo yêu cầu tại Công văn số 448/BKHĐT-ĐKKD ngày 16/01/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; hoàn thiện chức năng, giao diện và cập nhật lên Hệ thống TTGQTTHC tỉnh. Tuy nhiên, qua theo dõi, rà soát thì Hệ thống của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả dữ liệu về chậm và thường xuyên bị lỗi, không trả được dữ liệu về Hệ thống TTGQTTHC của tỉnh.

		b) Đối với nhiệm vụ thực hiện kết nối, tích hợp, khai thác dữ liệu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh giữa CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống TTGQTTHC của tỉnh để các cơ quan, đơn vị có thể khai thác, sử dụng dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp theo Tài liệu hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 3147/VPCP-KSTT ngày 09/5/2024, UBND tỉnh Quảng Bình đã có Công văn số 1041/UBND-KSTT ngày 06/6/2024 về việc đăng ký sử dụng dịch vụ từ CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp nhưng đến nay chưa được Bộ Kế hoạch và Đầu tư hỗ trợ cung cấp thông tin kết nối để triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu cho địa phương tích hợp, khai thác, sử dụng. Vì vậy, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nâng cấp các nền tảng, chức năng tích hợp trên Hệ thống bảo đảm tiện ích, không ảnh hưởng, gián đoạn đến việc giải quyết TTHC trong quá trình kết nối, tích hợp Hệ thống. Hỗ trợ cung cấp thông tin kết nối để triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu cho địa phương tích hợp, khai thác dữ liệu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên Hệ thống TTGQTTHC của tỉnh.
13.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, xem xét điều chỉnh nội dung các TTHC tại Quyết định số 2290/QĐ-BKHĐT ngày 24/9/2024 như sau: Đối với thủ tục “Công bố thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất – Mã số: 2.002664”: Đề nghị điều chỉnh kết quả của thủ tục từ “Văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh được công bố” thành “Văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất được công bố” để phù hợp với tên gọi của thủ tục. Đối với thủ tục “Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất - Mã số TTHC: 2.002603”: Tại phần “Trình tự thực hiện” và “Thời hạn giải quyết”: Đề nghị điều chỉnh nội dung bước IV từ “Cơ quan có thẩm quyền tạo lập, phân quyền tài khoản nghiệp vụ cho cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn để đăng tải thông tin dự án đầu tư có sử dụng đất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt thông tin dự án” thành “Cơ quan có thẩm quyền tạo lập, phân quyền tài khoản nghiệp vụ cho cơ quan, đơn vị trực thuộc, cơ quan chuyên môn để đăng tải thông tin dự án đầu tư kinh doanh trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt thông tin dự án” để phù hợp với tên gọi của thủ tục.
V	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	

14.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị Bộ Lao động Thương binh và Xã hội sớm ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội; đảm bảo khi có đối tượng thực hiện TTHC “Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội (Mã số TTHC: 1.012991)”, để các Cơ sở Trợ giúp xã hội có căn cứ triển khai thực hiện theo đúng quy định.
VI Kiến nghị, đề xuất với Bộ Quốc phòng		
15.	UBND tỉnh Bình Định	Kính đề nghị Bộ Quốc phòng xem xét, cho ý kiến các cơ quan thuộc lực lượng vũ trang đối với việc tạo lập tài khoản cơ quan để nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Vì theo phản ánh của Công an tỉnh (Công văn số 3573/CAT-PV01 ngày 09/9/2024), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (Công văn số 2908/BCH-VP ngày 13/11/2024) do quy định về yếu tố bí mật nhà nước nên không thể tạo lập tài khoản cơ quan để thực hiện nhiệm vụ này.
VII Kiến nghị, đề xuất với Bộ Tài chính		
16.	UBND tỉnh An Giang	Kiến nghị Bộ Tài chính: - Rà soát, công bố thống nhất nội dung thông tin trên Quyết định và nội dung công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.
17.		- Sớm hoàn thành việc nâng cấp, mở rộng hệ thống Dịch vụ công trực tuyến Cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách để đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia nhằm đảm bảo chỉ tiêu về công khai, minh bạch trong giải quyết hồ sơ TTHC của Sở Tài chính nói riêng và của tỉnh An Giang nói chung.
VIII Kiến nghị, đề xuất với Bộ Tài nguyên và Môi trường		
18.	UBND tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn địa phương thực hiện một số nội dung sau: - Thời điểm đánh giá điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; quy định rõ về khung, cơ sở, căn cứ để đánh giá năng lực tài chính; quy định phương thức, cách thức và thời gian xác định tình trạng vi phạm pháp luật đất đai. - Áp dụng pháp luật đất đai trong việc thanh toán quỹ đất cho Nhà đầu tư và xác định hình thức giao đất, cho thuê đất để thanh toán đất cho Nhà đầu tư thực hiện dự án khác có được thực hiện theo quy định tại Điều 124 Luật Đất đai năm 2024 không. - Sớm tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ về đấu giá quyền

		khai thác khoáng sản, phù hợp với Luật Đấu giá tài sản, bổ sung những quy định có tính chất đặc thù trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản; quy định, hướng dẫn cụ thể về điều tra, xác định trữ lượng, tài nguyên dự báo và mức độ tin cậy về tài nguyên làm cơ sở xác định tiền đặt trước đối với khu vực khoáng sản chưa có kết quả thăm dò trước khi đưa ra đấu giá. - Sớm tham mưu Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 20/12/2021 theo kiến nghị của UBND tỉnh Đắk Lắk tại Công văn số 10604/UBND-NNMT ngày 30/11/2023 về việc quy định mục đích sử dụng tài nguyên nước cho phù hợp với thực tế.
IX	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Tư pháp	
19.	UBND thành phố Cần Thơ	Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm thực hiện cải tiến, thay đổi, khắc phục lỗi, nâng cấp phần mềm hệ thống, đảm bảo thực hiện trích xuất thông tin tờ khai và để một người có một mã số đề nghị thuận tiện cho việc báo cáo số liệu hiệu quả hơn.
20.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, hỗ trợ địa phương trong việc đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với các Hệ thống có liên quan theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/06/2024 của Chính phủ.
21.	UBND tỉnh Ninh Thuận	Kiến nghị Bộ Tư pháp: a) Tiếp tục quan tâm chỉ đạo nâng cấp và bảo đảm vận hành ổn định đường truyền kết nối trên Phần mềm hộ tịch 158.
22.		b) Hỗ trợ giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh kịp thời trong quá trình địa phương đang đẩy nhanh tiến độ số hóa, góp phần hoàn thành công tác số hóa dữ liệu hộ tịch từ Sổ hộ tịch bảo đảm thời gian, tiến độ đề ra.
23.		c) Kịp thời cập nhật, tích hợp dữ liệu đối với địa danh hành chính cũ đã được chia tách, sáp nhập từ thời gian trước để địa phương thực hiện việc chuyển dữ liệu hộ tịch đã được kiểm tra, rà soát trên Phần mềm 158 về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp.
24.		d) Chỉ đạo, hướng dẫn khắc phục lỗi đăng nhập Phần mềm để địa phương kịp thời hoàn thành việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID cho công dân kịp thời.
X	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
25.	UBND tỉnh Nghệ An	Trong thời gian vừa qua, địa phương có một số hồ sơ thủ tục “Thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn” bị tính quá hạn giải quyết, nguyên nhân: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công bố TTHC là “05 ngày làm việc”, tuy nhiên lại công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia là “5 ngày”. Đề nghị Bộ tiếp tục phối hợp với

		Văn phòng Chính phủ để có điều chỉnh kịp thời để đảm bảo công nhận hồ sơ đã giải quyết đúng hạn theo thực tế địa phương đã xử lý.
26.	UBND tỉnh Quảng Ngãi	Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ chưa thể hiện chủ trương về phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; cụ thể: Trước đây theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thuộc UBND cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh) có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường (tức là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện phân cấp, ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện được cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke theo quy định pháp luật (tại tỉnh Quảng Ngãi, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ủy quyền cho Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố thực hiện cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn). Tuy nhiên, hiện nay tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường lại quy định: “UBND cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường (sau đây gọi là Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh)” thì thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh của thuộc tập thể UBND tỉnh nên buộc phải lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh trước khi Chủ tịch UBND tỉnh thay mặt UBND tỉnh ký ban hành. Trong khi, nội dung thực hiện việc cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh đối với hai dịch vụ này không phức tạp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND cấp huyện nắm sát thực tế hơn, giải quyết kịp thời và phục vụ tốt hơn các yêu cầu của tổ chức và người dân nhưng lại không được phân cấp thẩm quyền để giải quyết trực tiếp trong Nghị định cho nhanh gọn, mà lại quy định giao cho địa phương ban hành văn bản để quyết định phân cấp hoặc ủy quyền. Bên cạnh đó, quy định thời gian xử lý tương đối ngắn, chưa hợp lý vì phải thực hiện 02 công việc: (1) luân chuyển hồ sơ liên thông từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến Văn phòng UBND tỉnh để tham mưu, trình UBND tỉnh; (2) Văn phòng UBND tỉnh phải thực hiện lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh, dẫn đến gây khó khăn cho tỉnh trong

		việc ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC và xử lý hồ sơ TTHC. Do đó, kính đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất Chính phủ xem xét sửa đổi quy định về thẩm quyền, thời gian tiếp nhận, giải quyết của các TTHC này.
XI	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Xây dựng	
27.	UBND tỉnh Nghệ An	Các TTHC: Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III; Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III được công bố theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng có 02 trường hợp: Trường hợp 1: cá nhân nộp hồ sơ đã có kết quả sát hạch thì thời hạn giải quyết là 20 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp 2: cá nhân nộp hồ sơ đã có kết quả sát hạch thì thời hạn giải quyết là 20 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định. Đối với cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng nhưng chưa có kết quả sát hạch, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ trong thời hạn 20 ngày có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân. Như vậy, đối với trường hợp này thì thời hạn giải quyết là 40 ngày. Tuy nhiên, Bộ Xây dựng lại công khai thời hạn giải quyết của các TTHC này trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 20 ngày dẫn đến có nhiều hồ sơ được tiếp nhận nhưng do cá nhân chưa có kết quả sát hạch nên việc giải quyết cần 40 ngày nên có nhiều hồ sơ bị quá hạn. Kiến nghị Bộ Xây dựng hỗ trợ giải quyết đảm bảo thời gian xử lý cho địa phương theo đúng quyết định công bố.
XII	Kiến nghị, đề xuất với Bộ Y tế	
28.	UBND tỉnh Ninh Thuận	1. Kiến nghị Bộ Y tế xem xét, sửa đổi các Quyết định sau: a) Quyết định số 3562/QĐ-BYT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Y, Dược cổ truyền được quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BYT ngày 29/10/2024 của Bộ Y tế. Lý do: Theo Quyết định số 3562/QĐ-BYT, “Thủ tục xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền” có 02 cấp thực hiện là “cấp tỉnh và cấp bộ” với thời hạn giải quyết TTHC là “150 ngày” nhưng không chia bước thực hiện giữa cấp tỉnh và cấp bộ thực hiện trong bao nhiêu ngày. Mặt khác, đối với TTHC này trên Cổng dịch vụ công quốc gia thuộc “Lĩnh vực thi đua khen thưởng”

	tuy nhiên tại Quyết định số 3562/QĐ-BYT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế thuộc “Lĩnh vực Y, Dược cổ truyền”. b) Quyết định số 2456/QĐ-BYT ngày 19/8/2024 Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế và Quyết định số 2976/QĐ-BYT ngày 07/10/2024 của Bộ Y tế về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về công bố TTHC mới ban hành, TTHC bị thay thế và bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Quyết định số 743/QĐ-BYT ngày 28/03/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 159/QĐ-BYT. Lý do: Hai Quyết định này có các thủ tục hành chính có các trường hợp thu phí chưa thống nhất với nhau (cụ thể theo phụ lục đính kèm) c) Quyết định số 1145/QĐ-BYT ngày 08/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố TTHC mới ban hành lĩnh vực Dược thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế. Lý do: Theo Quyết định số 1145/QĐ-BYT, TTHC “Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế” được công bố là lĩnh vực “Dược phẩm” nhưng trên Cổng dịch vụ Công quốc gia TTHC này thuộc lĩnh vực “Y, Dược cổ truyền”.
--	---

Phụ lục XI

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XEM XÉT, TRẢ LỜI NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ
TẠI BÁO CÁO CẢI CÁCH TTHC TỪ THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 11 NĂM 2024**

STT	Tên bộ, ngành	Tổng số ĐXKN đã tiếp nhận để xem xét, xử lý	Kết quả xử lý		Số ĐX, KN chưa xem xét, xử lý	Ghi chú
			Đã xem xét, xử lý	Tỷ lệ % so với tổng số		
A	B	1	2	$3 = \frac{2}{1} \times 100$	4	
	Tổng cộng:	318	248	78%	70	
1	Bộ Ngoại giao	1	1	100%	0	
2	Ủy ban Dân tộc	3	3	100%	0	
3	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	16	16	100%	0	
4	Bộ Tài nguyên và Môi trường	37	37	100%	0	
5	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	13	13	100%	0	
6	Bộ Nội vụ	18	17	94%	1	
7	Bộ Giao thông vận tải	32	29	91%	3	
8	Bộ Y tế	17	14	82%	3	
9	Bộ Công Thương	26	21	81%	5	
10	Bộ Xây dựng	9	7	78%	2	
11	Bộ Tư pháp	36	27	75%	9	
12	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	25	18	72%	7	
13	Bộ Thông tin và Truyền thông	3	2	67%	1	
14	Bộ Khoa học và Công nghệ	3	2	67%	1	
15	Bộ Giáo dục và Đào tạo	17	11	65%	6	
16	Bộ Tài chính	17	9	53%	8	
17	Bộ Công an	26	13	50%	13	
18	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	19	8	42%	11	
19	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	1	0	0	1	

DANH MỤC PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2024
của Văn phòng Chính phủ)

Phụ lục I: Kết quả ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ TTHC tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024.

Phụ lục II: Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ.

Phụ lục III: Kết quả phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục IV: Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ tại các bộ, ngành theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục V: Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ tại các địa phương theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục VI: Kết quả thực thi phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư theo 19 Nghị quyết của Chính phủ.

Phụ lục VII: Kết quả thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục VIII: Kết quả đánh giá bộ, ngành, địa phương theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Phụ lục IX: Tổng hợp trả lời đối với những đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương tại Báo cáo cải cách TTHC tháng 12 năm 2024 thuộc thẩm quyền của Văn phòng Chính phủ.

Phụ lục X: Tổng hợp đề xuất, kiến nghị đối với các bộ, ngành tháng 12 năm 2024.

Phụ lục XI: Tổng hợp kết quả xem xét, trả lời đề xuất, kiến nghị tại Báo cáo cải cách TTHC từ tháng 01 đến tháng 11 năm 2024.

